

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN TRƯỜNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/TVTS-TN

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2026

**CÔNG BỐ NĂNG LỰC  
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định về việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 06 năm 2023 của chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng*

*Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.*

**Công ty cổ phần Tư vấn Trường Sơn** công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

**1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.**

**1.1 Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TRƯỜNG SƠN**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100735720 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 10/8/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: Số 25, đường Kim Giang, phường Định Công, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.8584391

Email: [tuvantruongson@gmail.com](mailto:tuvantruongson@gmail.com)

Website: [tuvantruongson.vn](http://tuvantruongson.vn)

**1.2 Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng Địa chất - Thí nghiệm**

Địa chỉ: Số 25, đường Kim Giang, phường Định Công, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Trưởng phòng: Nguyễn Văn Tước

Điện thoại: 0988907328

Email: [tuvantruongson@gmail.com](mailto:tuvantruongson@gmail.com)

Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD: LAS-XD 24.077 do Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 60/GCN-SXD ngày 31/7/2024.

## 2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

### 2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng.

| TT | Tên phép thử                           | Tiêu chuẩn kỹ thuật                          | Danh sách máy móc   |
|----|--|--|---|
|    | <b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT</b>            |  |   |
| 1  | Xác định khối lượng riêng              | TCVN 4195:2012;<br>ASTM D854-00              | Cân kỹ thuật (0.01g), bình tỷ trọng (100cm <sup>3</sup> ), cối chày sứ (đồng), sàng 2 mm, bếp cách cát, tủ sấy, tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, hộp nhôm có nắp.  |
| 2  | Xác định độ ẩm và hút ẩm               | TCVN 4196:2012;<br>ASTM D2216                | Tủ sấy (t <sup>0</sup> ) đến 300 <sup>0</sup> C, cân kỹ thuật (0.01g), hộp nhôm có nắp), bình hút ẩm có Clorua canxi, ray 1mm, cối và chày sứ có đầu bọc cao su, khay men phơi đất.   |
| 3  | Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy | TCVN 4197:2012;<br>ASTM D4318                | Bộ quả dọi Vaxiliep, tấm kính nhám, ray 1mm, cối chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, cân kỹ thuật (0.01g), cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy (t <sup>0</sup> ), bát sắt tráng men, dao để trộn- dụng cụ Casagrande                            |
| 4  | Xác định các thành phần cỡ hạt         | TCVN 4198:2012;<br>ASTM C136; D1140,<br>D422 | Cân kỹ thuật (0.01), bộ ray (10 ; 5 ; 2 ; 1.05 ; 0.25 ; 0.1), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình hút ẩm có Clorua canxi, tủ sấy (t <sup>0</sup> ), quả lê bằng cao su, dao con, cân (01 g), máy lắc rung , cân phân tích, tỷ trọng kế (0.001), bộ phạn đùn và |

| TT | Tên phép thử  | Tiêu chuẩn kỹ thuật  | Danh sách máy móc   |
|----|---|--|---|
|    |   |  | làm lạnh, bình tam giác(1000 cm <sup>3</sup> , Φ 60 ± 2mm), nhiệt kế (0.5 <sup>o</sup> C), que khuấy, đồng hồ bấm, máy rửa, ống hút (5cm <sup>3</sup> , 50cm <sup>3</sup> ), thước thẳng 20cm.  |
| 5  | Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng   | TCVN 4199:1995;<br>ASTM D 3080<br>AASHTO T236  | Máy cắt mặt phẳng loại A: lực cắt tác động trực tiếp, loại B; Lực cắt tác dụng gián tiếp, hộp cắt, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, máy nén (cánh tay đòn), hộp để bảo hoà nước, thiết bị giữ ẩm, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang, quả cân (0,1.10 <sup>5</sup> N/m <sup>2</sup> ...1.10 <sup>5</sup> N/m <sup>2</sup> ) |
| 6  | Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông của đất trong phòng thí nghiệm. | TCVN 4200:2012<br>ASTM D2435; D3877;<br>D4546  | Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận rung tải, thiết bị đo biến dạng), các dụng cụ khác: mẫu chuẩn bằng kim loại, dao gạt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy (t <sup>0</sup> ), cân kỹ thuật (0.1g), đồng hồ đo biến dạng(0.01mm).  |
| 7  | Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm                                  | TCVN 4201:2012;<br>TCVN 12790:2020;<br>TCVN8721:2012;<br>22TCN333:06;<br>ASTM D1557; D698.<br>AASHTO T99; T180 | Cối đầm nén và cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật (0.01g), sàng 5mm, bình phun nước, tủ sấy (t <sup>0</sup> ), bình hút ẩm có Clorua canxi, hộp nhôm có nắp (cốc thuỷ tinh), dao gạt đất, vò đập đất, (khay 40x60 cm), vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su  |
| 8  | Thí nghiệm đầm chặt đất đá dăm  | 22TCN 333:06;<br>TCVN4201:2012   | Cối đầm nén và cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật (0.01g), sàng 5mm, bình phun nước, tủ sấy (t <sup>0</sup> ), bình hút ẩm có Clorua canxi, hộp nhôm có nắp (cốc thuỷ tinh),   |

| TT | Tên phép thử   | Tiêu chuẩn kỹ thuật  | Danh sách máy móc  |
|----|--|--|--|
|    |  |  | dao gọt đất, vò đập đất, (khay 40x60 cm), vải phủ, cối sứ và chày bọc cao su   |
| 9  | Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm                                      | TCVN 4202:2012;<br>ASTM D2937-71;                              | Dao vòng bằng kim loại $\geq 50\text{cm}^3$ , $\Phi$ trong $\geq 50\text{mm}$ (cho đất cát bụi và $\geq 100\text{ mm}$ cho đất cát thô, $\geq 40\text{ mm}$ cho đất sét đồng nhất, chiều cao $\leq$ đường kính và $<$ nửa đường kính), thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, cân kỹ thuật (0.01g và 0.1g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, tủ sấy ( $t^0$ ), bình hút ẩm |
| 10 | Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm                             | 22TCN 332:06;<br>TCVN12792:2020;<br>ASTM D1883;<br>AASHTO T193 | Cối đầm nện cần dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật (0.01g), sàng 19 mm, 5 mm), bình phun nước, Tủ sấy, bình hút ẩm có clorua canxi, hộp nhôm.   |
| 11 | Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông   | TCVN10324:2014;<br>ASTM D2166                                  | Máy nén anconfile  |
| 12 | Xác định đặc trưng tan rã của đất  | TCVN 8718:2012   | Bộ dụng cụ xác định độ tan của đất   |
| 13 | Xác định đặc trưng tan trương nở của đất   | TCVN 8719:2012   | Bộ dụng cụ xác định trương nở của đất  |
| 14 | Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm | TCVN 8721:2012   | Bộ dụng cụ xác định khối lượng thể tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn   |
| 15 | Xác định hệ số K thấm  | TCVN 8723:2012;<br>ASTM D2434                                  | Bộ dụng cụ xác định hệ số thấm   |

| TT | Tên phép thử   | Tiêu chuẩn kỹ thuật   | Danh sách máy móc  |
|----|--|---|--|
| 16 | Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời                                     | TCVN 8724:2012  | Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ của đất   |
| 17 | Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất                                     | TCVN 8726: 2012;<br>AASHTO T267   | Lò nung, cân kỹ thuật  |
|    | <b>THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>                              |   |  |
| 18 | Thành phần cỡ hạt  | TCVN 7572-2:2006;<br>TCVN 9205:12;<br>AASHTO T27:2022,<br>AASHTO T11:2023;<br>ASTM C136:2006;<br>ASTM C33:2022    | - Cân kỹ thuật độ chính xác 1 %;<br>- Bộ sàng tiêu chuẩn, kích thước mắt sàng 2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40 mm; 70 mm; 100 mm và sàng lưới kích thước mắt sàng 140 μm; 315 μm; 630 μm và 1,25 mm theo Bảng 1;<br>- Máy lắc sàng;<br>- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110 °C. |
| 19 | Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước              | TCVN 7572-4:2006;<br>AASHTO T84:2022,<br>AASHTO T85:2022;<br>ASTM C127:2015,<br>ASTM C128:2022,<br>ASTM C33:2022; | - Cân kỹ thuật, chính xác 0,1 %;<br>- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C;<br>- Bình dung tích, bằng thủy tinh, có miệng rộng, nhãn, phẳng dung tích từ 1,05 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đậy bằng thủy tinh, đảm bảo kín khí;   |
| 20 | XĐ khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn | TCVN 7572-5:2006;<br>ASTM C127:2015;<br>AASHTO T85:2022   | - Cân kỹ thuật, độ chính xác 1%;<br>- Cân thủy tinh, có độ chính xác 1 %, và có giỏ đựng mẫu;<br>- Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ;<br>- Khăn thấm nước mềm và khô;   |

| TT | Tên phép thử  | Tiêu chuẩn kỹ thuật  | Danh sách máy móc   |
|----|---|--|---|
|    |   |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thước kẹp; Bàn chải sắt;</li> <li>- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C.</li> </ul>   |
| 21 | Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng                                       | TCVN 7572-6:2006;<br>ASTM C29:2017;<br>AASHTO T19:2014                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1 l; 2 l; 5 l; 10 l và 20 l,</li> <li>- Cân kỹ thuật độ chính xác 1 %;</li> <li>- Phễu chứa vật liệu ;</li> <li>- Bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110<sup>o</sup>C</li> <li>- Thước lá kim loại;</li> <li>- Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn.</li> </ul> |
| 22 | Xác định độ ẩm  | TCVN 7572-7:2006;<br>TCVN 10321:14;<br>ASTM C566:2019, C70,<br>C33:2022;<br>AASHTO T142:1993 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân kỹ thuật độ chính xác 1 %;</li> <li>- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105<sup>o</sup>C đến 110<sup>o</sup>C;</li> <li>- Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao).</li> </ul>  |
| 23 | Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ | TCVN 7572-8:2006;<br>TCVN 9205:12;<br>ASTM C117, C142,<br>C566, C33:2022;<br>AASHTO T11:2023 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân kỹ thuật độ chính xác 0,1%</li> <li>- Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105<sup>o</sup>C đến 110<sup>o</sup>C;</li> <li>- Thùng rửa cốt liệu ;</li> <li>- Đồng hồ bấm giây;</li> <li>- Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch;</li> <li>- Que hoặc kim sắt nhỏ.</li> </ul>   |
| 24 | Xác định tạp chất hữu cơ  | TCVN 7572-9:2006;<br>AASHTO T267;<br>AASHTO T21:2005;  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml và 100 ml;</li> </ul>  |

| TT | Tên phép thử                                  | Tiêu chuẩn kỹ thuật  | Danh sách máy móc   |
|----|---|--|---|
|    |   | AASHTO M6:2013;<br>AASHTO M8:2006;<br>ASTM C40:2011  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân kỹ thuật chính xác 0,1%;</li> <li>- Bếp cách thủy;</li> <li>- Sàng có kích thước lỗ 20 mm;</li> <li>- Thang màu để so sánh;</li> <li>- Thuốc thử: NaOH dung dịch 3%; tananh dung dịch 2%; rượu êtylic dung dịch 1%.</li> </ul> |
| 25 | Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc | TCVN 7572-10:2006;<br>TCVN 10324 :2014;<br>ASTM D2938-86;<br>ASTM D7012:2023;<br>ASTM C33:2022, C170;<br>AASHTO M6:2013;<br>AASHTO M8:2006 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy nén thủy lực;</li> <li>- Máy khoan và máy cưa đá;</li> <li>- Máy mài nước;</li> <li>- Thước kẹp;</li> <li>- Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu.</li> </ul>  |
| 26 | Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa         | TCVN 7572-17:2006;<br>ASTM C142;<br>AASHTO T112:2016   | Cân phân tích độ sai số 0,001g  |
| 27 | Xác định lượng hạt bị đập vỡ                  | TCVN 7572-18:2006;<br>ASTM D5821;<br>AASHTO T353:2015;   | Cân phân tích độ sai số 0,001g  |
| 28 | Xác định hàm lượng mica                       | TCVN 7572-20:2006;<br>ASTM C123:2011   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân phân tích độ sai số 0,001g</li> <li>- Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ</li> <li>- Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14</li> <li>- Giấy nhám khổ 330mmx210mm</li> <li>- Đũa thủy tinh</li> </ul>                  |
| 29 | Xác định hệ số (ES)                           | ASTM D2419;<br>AASHTO T176   | Hộp thấm, bảng cột nước đo thể tích   |

| TT | Tên phép thử   | Tiêu chuẩn kỹ thuật  | Danh sách máy móc  |
|----|--|--|--|
| 30 | Xác định dốc tự nhiên của cát  | TCVN 8724 :2012;<br>ASTM D1883:2021;<br>AASHTO T191:2014,<br>T193  | Bộ dụng cụ đo của cát  |
| 31 | Xác định độ góc cạnh của cốt liệu  | TCVN 8860-7:2011   | - Ống đồng: được làm bằng thép hoặc bằng đồng;<br>- Phễu: được làm bằng thép hoặc đồng;<br>- Giá đỡ: bằng kim loại, có 3 chân hoặc 4 chân;<br>- Tấm kính; khay |
| 32 | Cát nghiền cho bê tông và vữa: Xác định hạt lượng hạt <0,075mm                               | TCVN 9205:2012   | - Cân phân tích, chính xác đến 0,01g.<br>- Tủ sấy, có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ;<br>- Bộ sàng tiêu chuẩn   |
|    | <b>THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG</b>  |  |  |
| 33 | Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp đo dao đai             | TCVN 12791:20;<br>TCVN 9730:2012;<br>22 TCN 02:1971<br>AASHTO T204 | Bộ dụng cụ Dao đai, cân đĩa 5 kg ( 1-2g), cân đĩa 5kg ( 0.1g), dao gạt đất, hộp nhôm, vazolin, chảo sấy, cùn búa đóng loại 0.5kg, gõ đệm.                      |
| 34 | Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát                | 22TCN 346:06; TCVN 8729:2012;<br>ASTM D1556;<br>AASHTO T191        | Phễu rót cát cân kỹ thuật, thiết bị sấy, búa chim, đục xẻng, bay, túi bao đựng mẫu khô, xô, vải bạt cát chuẩn  |
| 35 | Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m   | TCVN 8864:2011;<br>ASTM E1082                                      | Thước 3m gấp, nêm có chiều dày 3,5,7,10,15 mm  |
| 36 | Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng | TCVN 8861:2011   | Tấm ép cứng chuyên Dung, kích (dầm khung ép), lực kế   |

| TT | Tên phép thử  | Tiêu chuẩn kỹ thuật                          | Danh sách máy móc                     |
|----|---|--|---------------------------------------|
| 37 | Xác định mô đun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần BenKelman            | TCVN 8867:2011<br>AASHTO T256;<br>ASTM D4685 | Cần Benkelman, kích thủy lực 30 tấn   |
| 38 | Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát                                     | TCVN 8866:2011<br>ASTM E965                  | Cát chuẩn, dụng cụ rắc cát            |
| 39 | Thí nghiệm cát cánh hiện trường (FVT)   | 22TCN 355-06; TCVN 8725:2012;<br>ASTM D2573  | Máy cát cánh, đồng hồ, cần, lưới cát  |
| 40 | Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (Thử thí nghiệm SPT)  | TCVN 9351:2012;<br>ASTM D2586                | Bộ xuyên tiêu chuẩn SPT               |
| 41 | Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường | TCVN 8821:2011<br>ASTM D4429                 | Thiết bị kiểm tra CBR tại hiện trường |
| 42 | Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng                     | TCVN 9354:2012                               |                                       |
| 43 | Thí nghiệm xuyên động (DCP)   | ASTM D1586; ASTM D6951                       | Bộ dụng cụ xuyên động                 |

## 2.2 Danh mục máy móc, thiết bị

| Tên phương tiện đo           | Phạm vi đo cấp chính xác | Chu kỳ kiểm định hiệu chuẩn | Ghi chú       |
|------------------------------|--------------------------|-----------------------------|---------------|
| Cân điện tử SCALTEC (Đức SX) | 310/0.01g                | Đức                         | Hoạt động tốt |
| Cân điện tử OHAUS (Mỹ SX)    | M<br>max=2640g/0.1g      | Mỹ                          | Hoạt động tốt |

| Tên phương tiện đo                         | Phạm vi đo cấp chính xác              | Chu kỳ kiểm định hiệu chuẩn | Ghi chú       |
|--|---------------------------------------|-----------------------------|---------------|
| Cân hiện tử hiện số(TaiWan)                | M<br>max=6000g/0.2g                   | Đài Loan                    | Hoạt động tốt |
| Tủ sấy (Trung quốc)                        | 0÷300 <sup>0</sup> c/1 <sup>0</sup> c | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Máy nén 200 tấn(Matest Italy)              | 0÷200T/0.01N/mm <sub>2</sub>          | Italy                       | Hoạt động tốt |
| máy nén Tam liên                           | (0÷2400)N                             | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Máy cắt phẳng (Trung quốc)                 | (0÷1200)N                             | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Cần Benkelman                              | ½                                     | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| 2 kích thủy lực(KIB)                       | (0÷100)kN                             | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| 10 đồng hồ đo biến dạng                    | (0÷10mm)                              | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| 2 máy khoan XY - 1                         | Lực nâng của trục chính(0÷25)KN       | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Vòng lực                                   |                                       | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Cân điện tử (Trung Quốc)                   | 300/0.001 – Vibra Shinko              | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Máy thử độ mài mòn Los Angeles             | 30 – 33 vòng/phút                     | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Bộ sàng                                    | 0.075 - 10mm                          | Italia                      | Hoạt động tốt |
| Bộ sàng                                    | 5 - 70mm                              | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Dụng cụ TN thành phần hạt bằng tỷ trọng kế |                                       | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Dụng cụ thí nghiệm bằng chùy Valixiep      |                                       | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Bàn quay đập Casagrande (Nhật SX)          |                                       | Nhật Bản                    | Hoạt động tốt |
| Bình hút ẩm                                |                                       | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Bộ đèn mẫu (Ý SX)                          | Kích thủy lực                         | Italia                      | Hoạt động tốt |
| Dụng cụ chia tư mẫu (Ý SX)                 |                                       | Italia                      | Hoạt động tốt |
| Máy sàng (Ý SX)                            |                                       | Italia                      | Hoạt động tốt |

| Tên phương tiện đo                            | Phạm vi đo cấp chính xác          | Chu kỳ kiểm định hiệu chuẩn | Ghi chú       |
|---|-----------------------------------|-----------------------------|---------------|
| Côn thử độ sụt                                |                                   | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |
| Thùng đong mẫu 10lít                          |                                   | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |
| Thước lá kim loại                             |                                   | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |
| Thước kẹp                                     |                                   | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Bộ tấm ép cứng (Nhật SX)                      | Đường kính 33cm                   | Nhật Bản                    | Hoạt động tốt |
| Bộ chùy xuyên DCP (Việt Nam)                  |                                   | Viện KH-CN<br>GTVT.VNam     | Hoạt động tốt |
| Máy cắt đá                                    | ↓ lưỡi cắt 350mm.<br>Điện áp 220v | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Máy mài đá                                    | -nt-                              | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Bộ cối CBR (Việt Nam)                         | ↓ 152mm. Chày<br>2.49Kg & 4.54Kg  | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |
| Cối Proctor (Việt Nam)                        | ↓ 102mm. Chày<br>2.5Kg            | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |
| Phễu rót cát (Việt Nam)                       |                                   | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |
| Hộp đo góc nghỉ của cát (L.Xô)                |                                   | Liên Xô                     | Hoạt động tốt |
| Bếp cát (Nhật SX)                             |                                   | Nhật Bản                    | Hoạt động tốt |
| Khuôn lấy mẫu bê tông<br>150x150x150mm        |                                   | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |
| Khuôn lấy mẫu bê tông<br>200x200x200mm        |                                   | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |
| Máy nén CBR 50KN                              |                                   | Trung Quốc                  | Hoạt động tốt |
| Khuôn CBR tiêu chuẩn                          |                                   | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |
| Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất            |                                   | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |
| Thiết bị xác định giới hạn chảy<br>casagrande |                                   | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |
| Cối Proctor tiêu chuẩn                        |                                   | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |
| Chày Proctor tiêu chuẩn                       |                                   | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |

| <b>Tên phương tiện đo</b>                              | <b>Phạm vi đo cấp chính xác</b> | <b>Chu kỳ kiểm định hiệu chuẩn</b> | <b>Ghi chú</b> |
|--|---------------------------------|------------------------------------|----------------|
| Cối Proctor cải tiến                                   |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Chày Proctor cải tiến                                  |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Bộ Vaxilieps   |                                 | Trung Quốc                         | Hoạt động tốt  |
| Hộp thấm đất nam kinh                                  |                                 | Trung Quốc                         | Hoạt động tốt  |
| Bộ thấm cột nước không đổi                             |                                 | Trung Quốc                         | Hoạt động tốt  |
| Bộ trương nở đất WZ-II                                 |                                 | Trung Quốc                         | Hoạt động tốt  |
| Bộ xi lanh nén đập đá dăm D150                         |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Bộ xi lanh nén đập đá dăm D75                          |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong      |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong     |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Thùng dung trọng 1 lít ( Hộc đong)                     |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Thùng dung trọng 2 lít ( Hộc đong)                     |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Thùng dung trọng 5 lít ( Hộc đong)                     |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Thùng dung trọng 10 lít ( Hộc đong)                    |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Thùng dung trọng 20 lít ( Hộc đong)                    |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)   |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Bảng màu chuẩn   |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Dụng cụ hấp phụ nước của cát                           |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Bộ xác định đương lượng cát                            |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Thước đo hạt dài dẹt, tỷ lệ 1:3                        |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |
| Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của cát          |                                 | Việt Nam                           | Hoạt động tốt  |

| Tên phương tiện đo                      | Phạm vi đo cấp chính xác | Chu kỳ kiểm định hiệu chuẩn | Ghi chú       |
|---|--------------------------|-----------------------------|---------------|
| Thiết bị xác định góc cạnh của cát theo |                          | Việt Nam                    | Hoạt động tốt |

**Ghi chú:**

- Danh mục trên không bao gồm hệ thống máy móc, trang thiết bị phụ trợ khác;
- Các máy móc, thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt;
- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn đúng quy định

**2.3 Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên**

| STT | Họ và tên       | Chức vụ/Nhiệm vụ        | Trình độ chuyên môn, bằng cấp   |
|-----|-----------------|-------------------------|---|
| 1   | Nguyễn Văn Tước | Trưởng phòng thí nghiệm | Cử nhân địa chất - Trường Đại học khoa học tự nhiên - Đại học Quốc Gia Hà Nội<br>- Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm theo ISO 17025: 2017;<br>- Chứng chỉ TNV: Phương pháp xác định các tính chất cơ bản của đất đá, vật liệu xây dựng   |
| 2   | Dương Đình Minh | Thí nghiệm viên         | Kỹ sư địa chất thủy văn - Trường đại học mở địa chất<br>Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng<br>Chứng chỉ TNV: Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng công trình giao thông, gồm 3 lĩnh vực: Đất xây dựng; Vật liệu xây dựng; Bitum và bê tông Atphan |
| 3   | Chu Thị Tuyết   | Thí nghiệm viên         | Bằng nghề: Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường ô tô - Trường cao đẳng giao thông vận tải  |
| 4   | Phạm Thị Trinh  | Thí nghiệm viên         | Bằng nghề: Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường ô tô - Trường Trung học giao thông vận tải khu vực I   |

| STT | Họ và tên       | Chức vụ/Nhiệm vụ | Trình độ chuyên môn, bằng cấp  |
|-----|-----------------|------------------|--|
| 5   | Nguyễn Duy Hiến | Thí nghiệm viên  | Chứng chỉ sơ cấp nghề: Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình                        |
| 6   | Đỗ Văn Thiều    | Thí nghiệm viên  | Bằng nghề: Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường ô tô - Trường Cao đẳng giao thông vận tải |
| 7   | Phạm Văn Bôn    | Thí nghiệm viên  | Bằng nghề: Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường ô tô - Trường Cao đẳng giao thông vận tải |
| 8   | Đình Quang Rạng | Thí nghiệm viên  | Bằng nghề: Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường ô tô - Trường Cao đẳng giao thông vận tải |
| 9   | Nguyễn Văn Hưng | Thí nghiệm viên  | Bằng tốt nghiệp trung cấp nghề: Kiểm định chất lượng công trình                                |

### 3. Tổ chức cam kết:

- Thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;
- Thiết bị được kiểm định/hiệu chuẩn theo quy định ( nếu thuộc đối tượng phải hiệu chuẩn);
- Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thí nghiệm;
- Thí nghiệm viên được bố trí thực hiện đúng các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính phù hợp của thiết bị và năng lực của thí nghiệm viên tham gia hoạt động thí nghiệm;
- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố;
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy định.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Hồng Trung**